TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-PT
Ngày: 14-02-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Đinh Tiền Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số 653/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 702/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Phạm Thị Xuân L, sinh năm 1963;

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Xuân L, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 05-11-2025*)*.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1964;

2. Ông Trần Phi C, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C – Bị đơn.

(Bà L, bà Tr và ông C có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-7-2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-3-2024, ngày 03-6-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L và ông Lê Văn M do bà Phạm Thị Xuân L đại diện trình bày:

Nguyên trước đây giữa vợ chồng bà L và bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C có quen biết nhau nên bà Tr và ông C có vay tiền vợ chồng bà L nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 13-12-2022 (âm lịch) bà Tr và ông C vay vợ chồng bà L số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền, mục đích bà Tr, ông C để đáo hạn ngân hàng vài ngày sẽ trả lại nhưng không trả, hai bên tự thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay (do giấy vay tiền ghi sẵn).

Ngày 20-12-2022 (âm lịch) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền, mục đích bà Tr, ông C để đáo hạn ngân hàng vài ngày sẽ trả lại nhưng không trả, hai bên tự thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay (do giấy vay tiền ghi sẵn).

Ngày 05-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 103.500.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền, mục đích bà Tr, ông C vay để đóng hụi cho bà Tr, ông C do bà Tr, ông C chơi ở dây hụi 20 triệu đồng, khui ngày 25-01-2021 âm lịch (choàng cho bà Tr, ông C 03 phần hụi chết, 03 phần hụi sống, tương ứng số tiền 103.500.000 đồng), hai bên thỏa thuận bà L cho mượn vài ngày sẽ trả nên không tính lãi suất và có làm giấy mượn tiền ghi thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay.

Ngày 20-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 52.700.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền, mục đích bà Tr, ông C vay để đóng hụi cho dây hụi 20 triệu đồng khui ngày 05-12-2022 âm lịch, thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay. Bà Tr, ông C cho rằng đây là tiền lãi của khoản vay 103.500.000 đồng là không đúng.

Ngày 05-4-2023 (âm lịch) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 103.500.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền, mục đích bà Tr, ông C vay để đóng hụi cho bà Tr, ông C do bà Tr, ông C chơi ở dây hụi 20 triệu đồng, khui ngày 25-01-2021 âm lịch (choàng cho bà Tr, ông C 03 phần hụi chết, 03 phần hụi sống, tương ứng số tiền 103.500.000 đồng), hai bên thỏa thuận bà L cho mượn vài ngày sẽ trả nên không tính lãi suất và có làm giấy mượn tiền ghi thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay.

Sở dĩ tuy chưa trả tiền gốc vay các lần vay trước như đã hẹn nhưng vợ chồng bà L vẫn cho mượn thêm vì ông C, bà Tr nói cho vay rồi sẽ đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại ngay.

Tuy nhiên, qua nhiều lần đòi bà Tr, ông C trả tổng số tiền vốn vay là 1.259.700.000 (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm ngàn) đồng nhưng bà Tr, ông C cứ hứa cho đến nay vẫn chưa trả được khoản nào cho vợ chồng bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C liên đới trả cho vợ chồng bà L (Phạm Thị Xuân L và Lê Văn M) số tiền gốc vay là 1.259.700.000 (Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm ngàn) đồng và yêu cầu tiền lãi chậm trả với lãi suất 0.83%/tháng tính đến ngày xét xử 06-9-2024, được tính cụ thể từng khoản vay như sau:

Ngày 13-12-2022 (âm lịch) bà Tr và ông C vay vợ chồng bà L số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 13-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 03-02-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 19 tháng 03 ngày x lãi suất 0.83%-tháng = 79.264.999 đồng.

Ngày 20-12-2022 (âm lịch) bà Tr và ông C vay vợ chồng bà L số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 10-02-2023 đến ngày nộp xét xử ngày 06-9-2024 là 18 tháng 26 ngày x lãi suất 0.83%-tháng = 78.296.658 đồng.

Ngày 05-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 103.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 05-3-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 24-4-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 16 tháng 12 ngày x lãi suất 0.83%-tháng = 14.088.420 đồng.

Ngày 20-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 52.700.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20-3-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 09-5-2023 đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 15 tháng 27 ngày x lãi suất 0.83%-tháng = 6.954.810 đồng.

Ngày 05-4-2023 (âm lịch) bà Tr và ông C tiếp tục vay vợ chồng bà L số tiền 103.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 05-5-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 22-8-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 14 tháng 14 ngày x lãi suất 0.83%-tháng = 12.427.590 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu là 1.450.732.477 đồng, trong đó tiền gốc là 1.259.700.000 đồng, tiền lãi là 191.032.477 đồng.

Về tranh chấp tiền góp hụi, yêu cầu cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi giá 20.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi huê hồng (10.000.000 đồng), hụi khui ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 (âm lịch), hụi có giá chết 5.000.000 đồng, hụi có tổng 37 phần, bà Tr, ông C tham gia chơi 06 phần. Trong dây hụi này bị đơn đã lãnh 03 phần còn lại 03 phần chưa lãnh, cụ thể các lần lãnh hụi:

Phần thứ nhất bị đơn lãnh vào ngày 25-8-2021 âm lịch (tương ứng kỳ hụi thứ 7), bà Tr bỏ phiếu giá 5.900.000 đồng, lãnh được tổng là 456.600.000 đồng,

trong đó đã trừ tiền huê hồng 10.000.000 đồng và trừ 05 phần hụi sống với số tiền là 70.500.000 đồng.

Phần thứ hai bị đơn lãnh vào ngày 25-9-2022 âm lịch (tương ứng kỳ hụi thứ 19), bà Tr bỏ phiếu giá 6.650.000 đồng, lãnh được tổng là 519.000.000 đồng, trong đó đã trừ tiền huê hồng 10.000.000 đồng và trừ 04 phần hụi sống, 01 phần hụi chết với số tiền là 74.000.000 đồng.

Phần thứ ba bị đơn lãnh vào ngày 25-12-2022 âm lịch (tương ứng kỳ hụi thứ 22), bà Tr bỏ phiếu giá 7.100.000 đồng, lãnh được tổng là 524.800.000 đồng, trong đó đã trừ tiền huê hồng 10.000.000 đồng và trừ 03 phần hụi sống, 02 phần hụi chết với số tiền là 78.700.000 đồng.

Sau khi lãnh hụi thì kỳ khui hụi tiếp theo tức kỳ thứ 23 tương ứng ngày 25-01-2023 âm lịch bà Tr, ông C có đóng hụi do bà L, ông M đầy đủ.

Tới kỳ khui hụi thứ 24 tức ngày 25-02-2023 âm lịch (tháng 02 đầu tiên, do năm 2023 là năm nhuận có 02 tháng 02), bà Tr, ông C không có tiền đóng mới nhờ bà L, ông M mượn số tiền 103.500.000 đồng để choàng hụi 03 phần sống, 03 phần chết (có làm giấy mượn tiền ngày 05-02 sau-2023).

Tới kỳ khui hụi thứ 25 tức ngày 25-02-2023 âm lịch (tháng 02 sau, do năm 2023 là năm nhuận có 02 tháng 02) thì bà Tr, ông C đóng hụi bằng tiền mặt cho bà L, ông M (đóng số tiền 103.800.000 đồng).

Tới kỳ khui hụi thứ 26 tức ngày 25-3-2023 âm lịch thì bà Tr, ông C không có tiền đóng mới nhờ bà L, ông M mượn số tiền 103.500.000 đồng để choàng hụi 03 phần sống, 03 phần chết (có làm giấy mượn tiền ngày 05-4-2023 (âm lịch).

Từ kỳ khui hụi thứ 27 tức ngày 25-4-2023 âm lịch thì bà Tr, ông C không đóng hụi ở dây này cho bà L, ông M. 03 phần hụi đã lãnh tương ứng 60.000.000 đồng/kỳ bà Tr, ông C chưa đóng hụi sau khi lãnh, bà L, ông M đã đóng thay 11 kỳ hụi chết tương ứng số tiền gốc là 660.000.000 đồng, do đó yêu cầu bà Tr, ông C hoàn trả số tiền hụi đã đóng thay là 660.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi cụ thể như sau:

Ngày 25-4-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-5-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-6-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 14 tháng 20 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 14 tháng 20 ngày = 7.304.000 đồng.

Ngày 25-5-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-6-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-7-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 13 tháng 20 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 13 tháng 20 ngày = 6.806.000 đồng.

Ngày 25-6-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-7-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 20-8-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 12 tháng 22 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 12 tháng 22 ngày = 6.341.200 đồng.

Ngày 25-7-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-8-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-9-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ

thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 11 tháng 23 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 11 tháng 23 ngày = 5.859.800 đồng.

Ngày 25-8-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-9-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-10-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 10 tháng 22 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 10 tháng 23 ngày = 5.361.800 đồng.

Ngày 25-9-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-10-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-11-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 09 tháng 25 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 09 tháng 25 ngày = 4.897.000 đồng.

Ngày 25-10-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-11-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-12-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 08 tháng 25 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 08 tháng 25 ngày = 4.399.000 đồng.

Ngày 25-11-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-12-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 15-01-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 07 tháng 27 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 07 tháng 27 ngày = 3.934.200 đồng.

Ngày 25-12-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-01-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-02-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 06 tháng 28 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 06 tháng 28 ngày = 3.452.800 đồng.

Ngày 25-01-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-02-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-3-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 05 tháng 28 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 05 tháng 28 ngày = 2.954.800 đồng.

Ngày 25-02-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-3-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 12-4-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 04 tháng 29 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 05 tháng 28 ngày = 2.971.400 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu là 714.281.800 đồng (Trong đó có 660.000.000 đồng và 54.281.800 đồng tiền lãi).

Về số tiền hụi bà Tr, ông C đã đóng ở dây hụi này là 26 kỳ (trong đó có: 09 kỳ đóng 45.000.000 đồng, 02 kỳ đóng 42.600.000 đồng, 01 kỳ đóng 41.700.000 đồng, 01 kỳ đóng 42.300.000 đồng, 01 kỳ đóng 44.250.000 đồng, 01 kỳ đóng 43.950.000 đồng, 01 kỳ đóng 43.200.000 đồng, 01 kỳ đóng 42.450.000 đồng, 01 kỳ đóng 42.150.000 đồng, 01 kỳ đóng 40.950.000 đồng, 01 kỳ đóng 40.500.000 đồng, 01 kỳ đóng 38.700.000 đồng, 01 kỳ đóng 44.700.000 đồng, 01 kỳ đóng 43.800.000 đồng, 01 kỳ đóng 42.300.000 đồng, 01 kỳ đóng 43.650.000 đồng) tương ứng số tiền là 1.110.260.000 đồng, bà L, ông M đồng ý hoàn trả số tiền này cho bà Tr, ông C.

Dây thứ hai: Hụi giá 20.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần giá chết 5.000.000 đồng, khui ngày đầu tiên là ngày 05-12-2022 âm lịch, hụi huê hồng

10.000.000 đồng, hụi có tổng 32 phần, bà Tr, ông C tham gia chơi 01 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 06 kỳ hụi tức tới kỳ khui ngày 05-3-2023 âm lịch (do năm 2023 có 02 tháng nhuận) thì ngưng cho đến nay, số tiền đóng cụ thể bà không nhớ nay đề nghị tính theo giá chết 15.000.000 đồng tương ứng số tiền là 90.000.000 đồng. Bà L, ông M đồng ý hoàn trả cho bà Tr, ông C 90.000.000 đồng, về số tiền bà L, ông M đã đóng thay sau khi bà Tr, ông C ngưng chơi không đóng thì bà L, ông M không yêu cầu trả lại.

Dây thứ ba: Hụi giá 10.000.000 đồng, khui ngày đầu tiên là ngày 20-4-2022, hụi huê hồng 5.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi có tổng 36 phần, bà Tr, ông C chơi 02 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 12 kỳ hụi, bà L, ông M không nhớ từng kỳ hụi bà Tr, ông C đóng là bao nhiêu nên đề nghị tính theo giá chết là 7.500.000 đồng tương ứng số tiền là 180.000.000 đồng. Bà L, ôn M đồng ý hoàn trả cho bà Tr, ông C 180.000.000 đồng, về số tiền bà L, ông M đã đóng thay sau khi bà Tr, ông C ngưng chơi không đóng thì bà L, ông M không yêu cầu trả lại.

Dây thứ tư: Hụi giá 10.000.000 đồng, mở lần đầu tiên ngày 20-4-2022, hụi huê hồng 5.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi có tổng 36 phần, bà Tr, ông C chơi 01 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 12 kỳ hụi, bà L, ông M không nhớ từng kỳ hụi bà Tr, ông C đóng là bao nhiêu nên đề nghị tính theo giá chết là 7.500.000 đồng tương ứng số tiền là 90.000.000 đồng. Bà L, ông M đồng ý hoàn trả cho bà Tr, ông C 90.000.000 đồng, về số tiền bà L, ông M đã đóng thay sau khi bà Tr, ông C ngưng chơi không đóng thì bà L, ông M không yêu cầu trả lại.

Bà L, ông M đồng ý trả cho bà Tr, ông C tổng số tiền đã đóng ở các dây hụi là 1.470.260.000 đồng, không đồng ý trả tiền hụi đã đóng theo giá chết như yêu cầu của bà Tr, ông C. Việc bà Tr, ông C cho rằng bà L đã thu lãi các khoản vay mà bà L, ông M cho vay như bà Tr, ông C trình bày là không đúng, các lần bà Tr, ông C chuyển khoản cho bà L là chuyển tiền đóng hụi.

Đồng thời tại phiên tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền hụi đã đóng thay cho bà Tr, ông C là 60.000.000 đồng, do bà L tính nhầm số kỳ hụi đã đóng thay cho bị đơn, nay bà xác định chỉ đóng thay cho bị đơn 11 kỳ hụi nên rút lại yêu cầu 01 kỳ hụi tương ứng số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C trình bày:

Bà Tr, ông C trình bày về số tiền vay như sau: Số tiền 1.259.700.000 đồng: bà L yêu cầu ông C, bà Tr phải trả gồm 05 khoản và được ghi vào 05 tờ giấy mượn tiền có mẫu in sẵn của bà L. Ông C, bà Tr xin phân tích ra như sau:

Giấy thứ 1: Số tiền mượn 500.000.000 đồng, ghi mượn ngày 13-12-2022 âm lịch, lãi suất do bà L qui định là 06%/tháng, nhưng không được ghi trên giấy mượn tiền.

Giấy thứ 2: Số tiền mượn 500.000.000 đồng, ghi mượn ngày 20-12-2022 âm lịch, lãi suất do bà L qui định là 06%/tháng, nhưng không được ghi trên giấy mượn tiền.

Giấy thứ 1 + giấy thứ 2, cộng lại là 01 tỷ đồng, sự thật số tiền này là ông C, bà Tr mượn giúp một người bạn mà bà L cũng biết, người đó tên Phạm Thị Kim T, sinh năm 1977, ngụ tại 172C, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An và ông C, bà Tr cũng đứng tên Tr thay tên Trúc này chơi 02 phần hụi trong số 06 phần 20 triệu hụi do bà L làm chủ hụi khui ngày 25-02-2021 âm lịch và hụi đó bà này đã lãnh hết cả 02 phần và bà L cũng biết Trúc nhưng bà nói nếu nhờ Tr đứng tên thì bà cho mượn tiền, cho chơi hụi. Do Trúc thời gian qua làm ăn khó khăn nên không trả lãi, đóng hụi cho bà L được nên ông C, bà Tr phải đứng ra đóng thay và bây giờ phải chịu trách nhiệm trước bà L, ảnh hưởng đến ông C, bà Tr rất lớn, ông C, bà Tr phải chịu thay như ngày hôm nay.

Giấy thứ 3: Số tiền mượn 103.500.000 đồng, ghi mượn ngày 05-02 sau-2023 âm lịch, lãi suất do bà L qui định là 12%/tháng, nhưng không được ghi trên giấy mượn tiền, số tiền này ghi mượn là để đóng tiền hụi lần thứ 24 cho dây hụi 20 triệu đồng khui ngày 25-02-2021 âm lịch. Với số tiền này ông C, bà Tr đã trả cho bà L 02 tháng tiền lãi = 24.000.000 đồng, trả lần sau cùng vào ngày 07-04-2023 âm lịch = 12.000.000 đồng (việc trả tiền này ông C, bà Tr có ghi âm làm bằng chứng và đã gởi cho Tòa).

Giấy thứ 4: Số tiền mượn 103.500.000 đồng, ghi mượn ngày 05-4-2023 âm lịch, lãi suất do bà L qui định là 12%/tháng, nhưng không được ghi trên giấy mượn tiền. Số tiền này ghi mượn là để đóng tiền hụi lần thứ 26 cho dây hụi 20 triệu đồng khui ngày 25-02-2021 âm lịch (đã có ghi âm gởi Tòa về bằng chứng đóng hụi này, trong file ghi âm mới 39).

Giấy thứ 5: Số tiền mượn 52.700.000 đồng là tiền lãi ghi giả cách thành tiền mượn, ghi mượn ngày 20-02 sau-2023 âm lịch, lãi suất do bà L qui định là 12%-tháng, nhưng không được ghi trên giấy mượn tiền (bà L nói tiền này cho bà Tr mượn để sử dụng, nhưng nếu mượn để sử dụng thì không ai mượn tiền lẻ như vậy).

Số tiền này là tiền lãi 06%-tháng của khoản tiền mượn 01 tỷ đồng ghi ở giấy thứ 1 + giấy thứ 2, bà L clãnh lại tổng số tiền lãi phải trả từ ngày mượn đến ngày 05-02 sau-2023 (là đến kỳ trả lãi tiếp theo) là 187.000.000 đồng, rồi trừ lại số tiền đã trả bằng tiền mặt + chuyển khoản trước đây là 134.300.000 đồng, nay còn phải trả lãi thêm là 52.700.000 đồng, do ông C, bà Tr không có tiền mặt để trả nên bà L cho ghi giấy mượn tiền và theo luật chơi của bà tiền này phải chịu lãi suất 12%-tháng, với số tiền này ông C, bà Tr chưa trả lãi cho bà L lần nào, giấy mượn tiền này ghi cùng thời điểm với giây thứ 03 mượn 103.500.000đồng, ghi mượn ngày 05-02 sau-2023 âm lịch để đóng hụi kỳ 24 và ghi tại nhà bà L.

Vì số tiền 52.700.000 đồng này là tiền lãi cao mà ghi giả cách thành tiền mượn, ông C, bà Tr đang đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xem xét cho được tính lại bằng lãi suất 0.83%-tháng, cho nên số tiền này không tính vào tiền

mượn bà L được. Ông C, bà Tr chấp nhận có thiếu bà L số tiền là 1.207.000.000 đồng và ông C, bà Tr chấp nhận cho bà L được trừ cấn vào tiền hụi của ông C, bà Tr mà bà L đang quản lý, nắm giữ.

Các khoản tiền lãi, tiền lãi chậm trả, tiền choàng hụi xin Tòa án không áp dụng.

Vì bà L ông M ngang nhiên không cho ông C, bà Tr đến nhà để tham dự bỏ phiêu lãnh hụi kỳ 27-28-29-30 mà ông C, bà Tr còn 03 phần hụi sống, mặc dù ông C, bà Tr yêu cầu tha thiết để ông C, bà Tr bỏ phiêu lãnh hụi được bao nhiêu bà L lấy hết, ông C, bà Tr không nhận tiền về, rồi trừ vào tiền ông C, bà Tr thiếu bà L, tiền hụi chết thì chắc cũng muốn đủ rồi, nhưng bà L không muốn vậy, bà có lòng tham nên bà nói: "Mày đưa tao hai trăm triệu đi tao xé giấy nợ tao mầy huề luôn, còn không thì tao đi thưa mầy cho mầy bị nhục, bị tốn án phí chơi", rồi bà hăm dọa gặp đâu chửi đó, cấm không cho lên nhà, gọi điện thoại bà không bắt máy, lúc đó ông C, bà Tr tính toán số tiền ông C, bà Tr thiếu bà L và số tiền hụi bà L đang nắm giữ của ông C, bà Tr thì của ông C, bà Tr cao hơn, ông C, bà Tr yêu cầu 02 bên gặp nhau tính toán cụ thể rồi giải quyết trừ cấn, thì bà L nói không tính, hỏi bà L thì bà nói tao không nói. Như vậy bà L cố tình gây khó khăn với ông C, bà Tr để ông C, bà Tr đưa bà hai trăm triệu, nếu như lần đó ông C, bà Tr đưa thì bây giờ ông C, bà Tr không bao giờ lấy lại được. Việc bà L không phối hợp với ông C, bà Tr để giải quyết cho ông C, bà Tr trừ cấn nợ là vì bà âm mưu muốn lấy tiền lãi suất của ông C, bà Tr, mặt dầu ông C, bà Tr biết 03 phần hụi sống của ông C, bà Tr, bà L đã lãnh từ lâu rồi. Ngày 25-5-2023 âm lịch vợ chồng ông C, bà Tr có đến nhà bà L để bàn bạc việc trả nợ cho bà, ông C, bà Tr có ghi âm lại cuộc đối thoại, xin mời quý Tòa nghe bản ghi âm mà ông C, bà Tr có gởi cho quý Tòa làm chứng cứ để biết âm mưu của bà L.

Sau khi tính toán lại, giả sử như bà L giải quyết cho ông C, bà Tr tham gia bỏ phiêu lãnh hụi kỳ 27, 28, 29 không nhận tiền về, được bao nhiêu bà L giữ hết để trừ cấn vào tiền mượn và tiền hụi chết của ông C, bà Tr, thì ông C, bà Tr đã trả hết nợ cho bà L lâu rồi và ông C, bà Tr còn có dư ra 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Ông C, bà Tr đã làm văn bản giải trình ngày 10-4-2024 tại trang số 5 đã gởi Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, xin Tòa xem xét.

Việc tính tiền lãi, tiền lãi chậm trả, tiền choàng hụi như vậy đối với hụi viên, con nợ như ông C, bà Tr là không hợp lý, gây thiệt thòi cho hụi viên, con nợ, đây là âm mưu có tính trước của chủ hụi, chủ nợ, một trăm chủ hụi chủ nợ khi gặp trường hợp này đều không ai tính vậy (Tiền ông C, bà Tr mà bà L đang nắm giữ thì tự thỏa thuận trừ cấn lẫn nhau, việc gì bà L phải choàng hụi và bắt ông C, bà Tr phải chịu tiền lãi, đây là âm mưu cố tình chớ không phải sự thật).

Yêu cầu được tính lại lãi suất theo qui định nhà nước hiện hành. Vì bà L lợi dụng vào việc vừa làm chủ hụi vừa cho vay tiền lãi cao, nên gây áp lực khống chế những người mà bà cho vay mượn tiền như trường hợp của ông C, bà Tr đã trình bày trên đây, không cho tham gia bỏ phiếu để lãnh hụi là bà đã vi phạm vào quyền lợi hợp pháp của ông C, bà Tr, khiến cho ông C, bà Tr kẹt tiền, không xoay sở được đành phải mượn bà với lãi suất cao, vượt khung so với nhà nước

qui định, làm cho ông C, bà Tr thiệt hại nặng nề, kiệt quệ kinh tế mất khả năng chi trả. Vì vậy ông C, bà Tr đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa cho áp dụng, tính lại lãi suất bằng mức lãi suất theo qui định nhà nước, để giảm trừ vào phần lãi suất cao mà ông C, bà Tr đã phải chịu từ trước. Cụ thể như sau:

Giấy mượn tiền ngày 13-12-2022 âm lịch số tiền 500.000.000 đồng + giấy mượn tiền ngày 20-12-2022 âm lịch số tiền 500.000.000 đồng, tất cả đều chịu lãi suất 06%-tháng, trả lãi hàng tháng, ông C, bà Tr đã trả lãi đầy đủ trong các tháng đầu (trả bằng tiền mặt + chuyển khoản), đến ngày 20-02sau-2023 (tháng 02 nhuận) là đến kỳ trả lãi tiếp theo, nhưng do ông C, bà Tr kẹt tiền nên bà L clãnh lại cho ông C, bà Tr ghi vào giấy mượn tiền với số tiền là 52.700.000 đồng, đây là giấy mượn tiền giả cách chớ ông C, bà Tr không có thật mượn và không nhận về bằng tiền mặt, nhưng nếu có mượn cũng không ai mượn bằng tiền lẻ vậy (Trên giấy mượn tiền ông C, bà Tr có viết chủ lời – tức tiền lời, nhưng bà L không chịu, bảo phải gạch bỏ chử lời đi và ông C, bà Tr đã nghe lời bà và gạch bằng nét mờ, hiện tờ giấy mượn tiền còn thấy rất rõ, xin Tòa xem xét).

Số tiền lãi đã trả cho bà L từ ngày 13-12-2022 âm lịch đến ngày 20-02-2023 âm lịch (tháng 02 nhuận) cho giấy mượn tiền ngày 13-12-2022 âm lịch là gồm 97 ngày, thành tiền là: 500.000.000 đồng x 6%/tháng x 97 ngày = 97.000.000 đồng. (1); số tiền lãi đã trả cho bà L từ ngày 20-12-2022 âm lịch đến ngày 20-02-2023 âm lịch (tháng 2 nhuận) cho giấy mượn tiền ngày 20-12-2022 âm lịch là gồm 90 ngày, thành tiền là: 500.00.000 đồng x 6%/tháng x 90 ngày = 90.000.000 đồng. (2). Tổng cộng: (1) + (2) = 97.000.000 + 90.000.000 = 187.000.000 đồng. (3). Trong đó đã trả bằng tiền là: 134.300.000 đồng (Cụ thể chuyển khoản vào tài khoản của bà L hai lần, lần 01: ngày 13-02-2023 chuyển khoản 30 triệu đồng, lần 02: ngày 05-4-2023 chuyển khoản 40 triệu đồng, tất cả đều chuyển khoản vào số tài khoản 6608205058513 của bà L, còn số tiền 64.300.000 đồng là đưa tiền mặt cho bà L và không làm biên nhận gì). Còn lại 52.700.000 đồng tiền lãi là được ghi vào giấy mượn tiền ngày 20-02-2023 âm lịch.

Giấy mượn tiền ngày 05-02-2023 âm lịch (tức tháng 02 nhuận) số tiền là 103.500.000 đồng, là tiền bà L cho ông C, bà Tr ghi phiếu mượn để đóng hụi cho Bà, tại dây hụi mở lần đầu vào ngày 25-02-2021 âm lịch, lần khui hụi thứ 24, do Bà làm chủ hụi và cho ông C, bà Tr ghi vào giấy mượn tiền nầy, ông C, bà Tr phải chịu lãi suất 12%-tháng, ông C, bà Tr không nhận về bằng tiền mặt. Với số tiền này ông C, bà Tr đã trả lãi cho bà L được 02 tháng mỗi tháng 12 triệu đồng (tương đương với lãi suất 12%-tháng), tháng đầu trả vào đầu tháng 03-2023 âm lịch tháng sau trả vào ngày 25-5-2023 (ông C, bà Tr có ghi âm lại việc trả tiền này), tổng số tiền đã trả lãi cho 02 tháng là 24.000.000 đồng (4), sau ngày 25-5-2023 cho đến nay ông C, bà Tr không trả lãi cho bà L nữa.

Giấy mượn tiền ngày 05-4-2023 âm lịch số tiền là 103.500.000 đồng, là tiền bà L cho ông C, bà Tr ghi phiếu mượn để đóng hụi cho bà, tại dây hụi mở lần đầu vào ngày 25-02-2021 âm lịch, do bà làm chủ hụi và cho ông C, bà Tr ghi vào giấy mượn tiền này, ông C, bà Tr phải chịu lãi suất 12%-tháng, ông C, bà Tr không nhận về bằng tiền mặt, với số tiền này ông C, bà Tr chưa trả lãi cho bà L

lần nào. Như vậy tổng số tiền đã trả lãi cao cho bà L là: (3) + (4) = 187.000.000 + 24.000.000 = 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng chẵn). (5)

Nay ông C, bà Tr xin Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xem xét giải quyết cho ông C, bà Tr được tính lại lãi suất trước đây đã trả cho bà L quá cao 6%/tháng, 12%/tháng, nay xin tính lại lãi suất thấp theo quy định của pháp luật hiện hành để ông C, bà Tr có điều kiện khắc phục hậu quả, cụ thể là xin nhận lại số tiền trước đây đã đóng bằng lãi suất cao, nay xin được tính theo lãi suất qui định của nhà nước = 0.83%-tháng.

Cụ thể tính toán như sau: 500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 97 ngày = 13.418.000 đồng; 500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 90 ngày = 12.450.000 đồng; 2 x (103.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 30 ngày) = 1.718.000 đồng. Tổng cộng 27.586.000 đồng. (6). Tổng số tiền lãi xin được nhận lại là (5) – (6) = 183.414.000 (Một trăm tám mươi ba triệu bốn trăm mười bốn ngàn) đồng. (7). Số tiền này ông C, bà Tr dùng một phần để đóng án phí và một phần để trả nợ, khắc phục hậu quả.

Về số tiền 1.395.000.000 đồng ghi trong đơn phản tố: Số tiền 1.395.000.000 đồng là kết quả của bài toán giả sử như bà L giải quyết lãnh hụi để trừ cấn nợ với bà, thì ông C, bà Tr sẽ có được số tiền đó để đưa vào trừ cấn, chớ ông C, bà Tr không yêu cầu bà L phải trả cho ông C, bà Tr số tiền đó đề ông C, bà Tr nhận về.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C yêu cầu được tham gia lãnh hụi của dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch để có tiền trả nợ cho nguyên đơn hoặc nhận lại các phần hụi đã đóng theo giá chết của từng dây hụi, cụ thể: Dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch, đã đóng được 26 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền là 1.560.000.000 đồng; 02 dây hụi giá 10.000.000 đồng mở cùng ngày 20-4-2022 âm lịch, đã đóng được 12 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền 360.000.000 đồng, riêng dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 05-12-2022 âm lịch, đã đóng được 06 kỳ của 01 phần hụi chưa lãnh với giá 15.000.000 đồng-kỳ tương ứng số tiền 90.000.000 đồng, tổng số tiền hụi đã đóng yêu cầu được nhận lại là 2.010.000.000 đồng, yêu cầu được nhận lại số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định là 183.414.000 đồng và đề nghị không tính lãi chậm trả đối với các khoản vay và lãi chậm trả do bà L, ông M đã đóng hụi thay. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 105-2024-DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Toà án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C về số tiền hụi 60.000.000 đồng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*".

Buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Xuân L tổng số tiền 2.165.014.277 (Hai tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm mười bốn ngàn, hai trăm bảy mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17-9-2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C đối với bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi".*

Buộc bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C tổng số tiền là 1.470.260.000 (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C về việc yêu cầu nhận lại số tiền hụi đã đóng là 539.740.000 (Năm trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng, yêu cầu nhận lại số tiền lãi đã đóng quá quy định là 183.414.000 (Một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24-9-2024, các bị đơn bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C kháng cáo không đồng ý trả tiền vốn vay đối với số tiền 52.700.000 đồng vì đây là tiền lãi của số tiền vay 500.000.000 đồng; không đồng ý tính lãi các khoản vay ngày 13-12-2022 (âm lịch) 500.000.000 đồng, ngày 20-12-2022 (âm lịch) 500.000.000 đồng, ngày 05-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận) 103.500.000 đồng và ngày 05-4-2023 (âm lịch) 103.500.000 đồng vì ông bà đã trả lãi với số tiền 158.300.000 đồng (97.000.000 đồng + 90.000.000 đồng + 24.000.000 đồng – 52.700.000 đồng). 04 khoản vay trên nếu tính lãi theo pháp luật là 27.586.000 đồng nên ông bà đã trả lãi dư 130.714.000 đồng (158.300.000 đồng - 27.586.000 đồng) phải trả lại cho bà Tr và ông C. Bà Tr và ông C yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà

Tr và ông C trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C liên đới hoàn trả tổng số tiền 1.450.732.477 đồng, trong đó tiền gốc vay là 1.259.700.000 đồng, tiền lãi là 191.032.477 đồng: Căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 13-12-2022 âm lịch, ngày 20-12-2022 âm lịch, ngày 05-02 sau-2023 âm lịch, ngày 20-02 sau-2023 âm lịch, ngày 05-4-2023 âm lịch thể hiện bà Tr, ông C có vay của bà L, ông M tổng số tiền gốc là 1.259.700.000 đồng, bà Tr, ông C thừa nhận có vay của bà L, ông M 04 khoản vay với tổng số tiền là 1.207.000.000 đồng, riêng khoản vay 52.700.000 đồng vay ngày 20-02 sau-2023 bà Tr, ông C cho rằng đây là tiền lãi nhưng ông bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời bà L, ông M không thừa nhận đây là khoản tiền lãi ghi thành giấy mượn tiền. Do đó, Bản án sơ thẩm căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 13-12-2022 âm lịch, ngày 20-12-2022 âm lịch, ngày 05-02 sau-2023 âm lịch, ngày 20-02 sau-2023 âm lịch, ngày 05-4-2023 âm lịch buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M tổng số tiền gốc 1.259.700.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tiền lãi: Trong các giấy mượn tiền bà L, ông M cung cấp không thể hiện có lãi suất, chỉ thể hiện thời gian trả trong vòng 30 ngày. Bà L trình bày khi cho vay thỏa thuận lãi suất là 03%-tháng, còn bà Tr, ông C cho rằng bà L, ông M cho vay với lãi suất 06% và 12%/tháng và có trả lãi cho bà L, ông M tổng cộng 211.000.000 đồng, tuy nhiên bà L, ông M không thừa nhận, bà Tr, ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ rõ ràng chứng minh việc đã trả tiền lãi nêu trên. Nay bà L, ông M yêu cầu tiền lãi đối với từng khoản vay với lãi suất 0.83%-tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính theo từng khoản vay cụ thể như sau:

Số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 13-12-2022 (âm lịch), yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 13-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 03-02-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 19 tháng 03 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 79.264.999 đồng.

Số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 20-12-2022 (âm lịch), yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 10-02-2023 đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 18 tháng 26 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 78.296.658 đồng.

Số tiền 103.500.000 đồng vay ngày 05-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận), yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 05-3-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 24-4-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 16 tháng 12 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 14.088.420 đồng.

Số tiền 52.700.000 đồng vay ngày 20-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận), yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20-3-2023 (âm lịch) tương

ứng ngày 09-5-2023 đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 15 tháng 27 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 6.954.810 đồng.

Số tiền 103.500.000 đồng vay ngày 05-4-2023 (âm lịch), yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 05-5-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 22-8-2023 dương lịch đến ngày xét xử ngày 06-9-2024 là 14 tháng 14 ngày x lãi suất 0.83%/tháng = 12.427.590 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả tổng số tiền lãi của các khoản vay cho bà L, ông M là 191.032.477 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01-2019-NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với yêu cầu của bà L, ông M yêu cầu bà Tr, ông C hoàn trả số tiền hụi đã đóng thay là 660.000.000 đồng và tổng tiền lãi là là 54.281.800 đồng, tổng gốc và lãi hụi là 714.281.800 đồng của dây hụi giá 20.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch. Xét thấy bị đơn bà Tr, ông C tham gia chơi 06 phần ở dây hụi này, đã lãnh 03 phần còn 03 phần chưa lãnh, bà Tr, ông C tham gia chơi đến kỳ thứ 27 tương ứng ngày 25-4-2023 âm lịch thì ngưng, bà L, ông M đã đóng thay 11 kỳ hụi đối với 03 phần đã lãnh tương ứng số tiền 660.000.000 đồng nay bà L, ông M yêu cầu bà Tr, ông C phải hoàn trả lại số tiền 660.000.000 đồng và 54.281.800 đồng tiền lãi do chậm trả là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số 19-2019-NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ nên được chấp nhận và tiền lãi chậm trả được tính cụ thể theo từng kỳ như sau:

Ngày 25-4-2023 bỏ phiêu, ngày 05-5-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-6-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 14 tháng 20 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 14 tháng 20 ngày = 7.304.000 đồng.

Ngày 25-5-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-6-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-7-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 13 tháng 20 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 13 tháng 20 ngày = 6.806.000 đồng.

Ngày 25-6-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-7-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 20-8-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 12 tháng 22 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 12 tháng 22 ngày = 6.341.200 đồng.

Ngày 25-7-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-8-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-9-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 11 tháng 23 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 11 tháng 23 ngày = 5.859.800 đồng.

Ngày 25-8-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-9-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-10-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 10 tháng 22 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 10 tháng 23 ngày = 5.361.800 đồng.

Ngày 25-9-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-10-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-11-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 09 tháng 25 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 09 tháng 25 ngày = 4.897.000 đồng.

Ngày 25-10-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-11-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-12-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 08 tháng 25 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 08 tháng 25 ngày = 4.399.000 đồng.

Ngày 25-11-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-12-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 15-01-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 07 tháng 27 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 07 tháng 27 ngày = 3.934.200 đồng.

Ngày 25-12-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-01-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-02-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 06 tháng 28 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 06 tháng 28 ngày = 3.452.800 đồng.

Ngày 25-01-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-02-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-3-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 05 tháng 28 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 05 tháng 28 ngày = 2.954.800 đồng.

Ngày 25-02-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-3-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 12-4-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-9-2024 thời gian là 04 tháng 29 ngày = 60.000.000 đồng x 0.83% x 04 tháng 29 ngày = 2.971.400 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C yêu cầu được tham gia lãnh hụi của dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch để có tiền trả nợ cho nguyên đơn hoặc nhận lại các phần hụi đã đóng theo giá chết của từng dây hụi, cụ thể: Dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch, đã đóng được 26 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền là 1.560.000.000 đồng; 02 dây hụi giá 10.000.000 đồng mở cùng ngày 20-4-2022 âm lịch, đã đóng được 12 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền 360.000.000 đồng, riêng dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 05-12-2022 âm lịch, đã đóng được 06 kỳ của 01 phần hụi chưa lãnh với giá 15.000.000 đồng-kỳ tương ứng số tiền 90.000.000 đồng, tổng số tiền hụi đã đóng yêu cầu được nhận lại là 2.010.000.000 đồng, yêu cầu được nhận lại số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định là 183.414.000 đồng và đề nghị không tính lãi chậm trả đối với các khoản vay và lãi chậm trả do bà L, ông M đã đóng hụi thay:

Xét thấy, do ông C, bà Tr tự ý ngưng việc tham gia chơi hụi là vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia chơi hụi, bà L, ông M phải đóng thay các phần hụi của bà Tr, ông C và việc ông C, bà Tr cho rằng đã trả tiền lãi quá quy định cho bà L, ông M nên yêu cầu nhận lại 183.414.000 đồng tiền lãi đã trả quá quy định tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận việc nhận lãi như bà Tr, ông C trình bày. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Tr, ông C, chỉ có cở sở

chấp nhận một phần về yêu cầu được nhận lại số tiền hụi đã đóng ở các dây hụi theo số tiền thực đóng. Trong 04 dây hụi thì chỉ có dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày 25-02-2021 âm lịch đã mãn hụi còn lại 03 dây hụi chưa mãn nhưng bà L, ông M đồng ý hoàn trả tiền mà bị đơn đã đóng nên buộc bà L, ông M phải hoàn trả cho bà Tr, ông C tổng số tiền hụi đã đóng của 04 dây hụi là 1.470.260.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại Điều 10 Nghị định số 19-2019-NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà L, ông M là có cơ sở nên bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả tổng số tiền là 2.165.014.277 đồng (Trong đó số tiền gốc vay là 1.259.700.000 đồng, tiền lãi vay là 191.032.477 đồng, tiền hụi đã đóng thay 660.000.000 đồng và 54.281.800 đồng tiền lãi do chậm đóng hụi) cho bà L, ông M.

Có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tr, ông C buộc bà L, ông M phải hoàn trả số tiền hụi bà Tr, ông C đã đóng là 1.470.260.000 đồng.

Không có cơ sở chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C về việc yêu cầu nhận lại số tiền hụi đã đóng là 539.740.000 đồng, yêu cầu nhận lại số tiền lãi đã đóng quá quy định là 183.414.000 đồng và ý kiến đề nghị không tính lãi chậm trả đối với các khoản vay và lãi chậm trả do bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M đã đóng hụi thay.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C liên đới hoàn trả tiền gốc vay 1.259.700.000 đồng, tiền lãi là 191.032.477 đồng; hoàn trả 660.000.000 đồng tiền hụi đã đóng thay, tiền lãi hụi là 54.281.800 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C có đơn phản tố yêu cầu tính lại tiền lãi và tiền hụi đã đóng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C liên đới hoàn trả tổng số tiền 1.450.732.477 đồng, trong đó tiền gốc vay là 1.259.700.000 đồng, tiền lãi là 191.032.477 đồng, thấy rằng:

[4] Căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 13-12-2022 âm lịch, ngày 20-12-2022 âm lịch, ngày 05-02 sau-2023 âm lịch, ngày 20-02 sau-2023 âm lịch, ngày 05-4-2023 âm lịch thể hiện bà Tr, ông C có vay của bà L, ông M tổng số tiền gốc là 1.259.700.000 đồng, các giấy mượn tiền đều ghi thời hại trả không quá 30 ngày. Bà Tr, ông C thừa nhận có vay của bà L, ông M 04 khoản vay với tổng số tiền là 1.207.000.000 đồng, riêng khoản vay 52.700.000 đồng vay ngày 20-02 sau-2023 bà Tr, ông C cho rằng đây là tiền lãi nhưng ông bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời bà L, ông M không thừa nhận đây là khoản tiền lãi ghi thành giấy mượn tiền;

[5] Đến thời hạn, bà Tr và ông C không trả tiền vốn vay nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và ông M đối với số tiền vốn vay, buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M tổng số tiền gốc 1.259.700.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về yêu cầu tiền lãi: Trong các giấy mượn tiền mà bà L, ông M cung cấp không thể hiện có lãi suất, chỉ thể hiện thời gian trả trong vòng 30 ngày. Bà L trình bày khi cho vay thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, còn bà Tr, ông C cho rằng bà L, ông M cho vay với lãi suất 06% và 12%/tháng và có trả lãi cho bà L, ông M tổng cộng 211.000.000 đồng. Nhưng bà L, ông M không thừa nhận, bà Tr, ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả tiền lãi nêu trên. Nay bà L, ông M yêu cầu tiền lãi đối với từng khoản vay với lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, bà L, ông M chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tính lãi do chậm trả nợ từ ngày cuối cùng của thời hạn vay là không đúng. Bởi lẽ, tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01-2019-NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

[8] Các khoản vay trên có thời hạn vay là 30 ngày, nên cách tính lãi từng khoản cụ thể như sau:

Khoản vay 500.000.000 đồng ngày 13-12-2022 (âm lịch), thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 14-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 04-02-2023 dương lịch đến ngày xét xử 06-9-2024 tiền lãi 79.126.667 đồng **(**500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 19 tháng 02 ngày).

Khoản vay 500.000.000 đồng ngày 20-12-2022 (âm lịch), thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 21-01-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 11-02-2023 đến ngày xét xử 06-9-2024 tiền lãi 78.296.667 đồng **(**500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 18 tháng 26 ngày).

Khoản vay 103.500.000 đồng ngày 05-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận), thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 06-3-2023 (âm lịch)

tương ứng ngày 25-4-2023 dương lịch đến ngày xét xử 06-9-2024 tiền lãi 14.088.420 đồng (103.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 16 tháng 12 ngày).

Khoản vay 52.700.000 đồng ngày 20-02-2023 (âm lịch tháng 02 thứ hai do năm 2023 có nhuận), thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 21-3-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 10-5-2023 đến ngày xét xử 06-9-2024 tiền lãi 6.954.819 đồng (52.700.000 đồng x 0.83%/tháng x 15 tháng 27 ngày).

Khoản vay 103.500.000 đồng ngày 05-4-2023 (âm lịch), thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 06-5-2023 (âm lịch) tương ứng ngày 23-6-2023 dương lịch đến ngày xét xử 06-9-2024 tiền lãi 12.427.590 đồng **(**103.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 14 tháng 14 ngày).

[9] Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tr và ông C, sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông M, buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải liên đới hoàn trả tổng số tiền lãi của các khoản vay cho bà L, ông M là 190.894.163 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông M đối với số tiền lãi là 138.314 đồng (191.032.477 đồng - 190.894.163 đồng).

[10] Xét yêu cầu của bà L, ông M yêu cầu bà Tr, ông C hoàn trả số tiền hụi đã đóng thay là 660.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 54.281.800 đồng, tổng gốc và lãi hụi là 714.281.800 đồng của dây hụi giá 20.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch. Xét thấy, bị đơn bà Tr, ông C tham gia chơi 06 phần ở dây hụi này, đã lãnh 03 phần còn 03 phần chưa lãnh, bà Tr, ông C tham gia chơi đến kỳ thứ 27 tương ứng ngày 25-4-2023 âm lịch thì ngưng, bà L, ông M đã đóng thay 11 kỳ hụi đối với 03 phần đã lãnh tương ứng số tiền 660.000.000 đồng. Bà Tr và ông C cho rằng có đóng 03 kỳ hụi chết nhưng bà L không thừa nhận và bà Tr, ông C không có chứng cứ chứng minh. Nay bà L, ông M yêu cầu bà Tr, ông C phải hoàn trả lại số tiền 660.000.000 đồng và 53.966.600 đồng tiền lãi do chậm trả là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số 19-2019-NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ nên được chấp nhận và tiền lãi chậm trả được tính cụ thể theo từng kỳ như sau:

[11] Ngày 25-4-2023 bỏ phiêu, ngày 05-5-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-6-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 7.320.600 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 14 tháng 21 ngày)

Ngày 25-5-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-6-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 22-7-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 6.822.600 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 13 tháng 21 ngày).

[12] Ngày 25-6-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-7-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 20-8-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 6.357.800 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 12 tháng 23 ngày).

Ngày 25-7-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-8-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-9-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 5.876.400 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 11 tháng 24 ngày)

[13] Ngày 25-8-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-9-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 19-10-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 5.378.400 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 10 tháng 24 ngày).

Ngày 25-9-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-10-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-11-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 4.913.600 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 09 tháng 26 ngày)

[14] Ngày 25-10-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-11-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 17-12-2023 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 4.415.600 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 08 tháng 26 ngày).

Ngày 25-11-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-12-2023 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 15-01-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 3.950.800 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 07 tháng 28 ngày).

[15] Ngày 25-12-2023 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-01-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-02-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 3.469.400 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 tháng 29 ngày).

Ngày 25-01-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-02-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 14-3-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 2.971.400 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 05 tháng 29 ngày).

[16] Ngày 25-02-2024 âm lịch bỏ phiêu, ngày 05-3-2024 âm lịch gom hụi để giao tay em tương ứng ngày 13-4-2024 dương lịch, yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2024 tiền lãi 2.490.000 đồng (60.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 04 tháng 30 ngày).

[17] Do đó, kháng cáo của bà Tr và ông C có căn cứ chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm, buộc bà Tr và ông C trả tiền hụi 660.000.000 đồng và tiền lãi cho bà L và ông M 53.966.600 đồng; phần yêu cầu tiền lãi của bà L và ông M không được chấp nhận là 315.200 đồng.

[18] Xét yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C yêu cầu được tham gia lãnh hụi của dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch để có tiền trả nợ cho nguyên đơn hoặc nhận lại các phần hụi đã đóng theo giá chết của từng dây hụi, cụ thể: Dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch, đã đóng được 26 kỳ của 03

phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền là 1.560.000.000 đồng; 02 dây hụi giá 10.000.000 đồng mở cùng ngày 20-4-2022 âm lịch, đã đóng được 12 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh tương ứng số tiền 360.000.000 đồng, riêng dây hụi giá 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 05-12-2022 âm lịch, đã đóng được 06 kỳ của 01 phần hụi chưa lãnh với giá 15.000.000 đồng/kỳ tương ứng số tiền 90.000.000 đồng, tổng số tiền hụi đã đóng yêu cầu được nhận lại là 2.010.000.000 đồng, yêu cầu được nhận lại số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định là 183.414.000 đồng và đề nghị không tính lãi chậm trả đối với các khoản vay và lãi chậm trả do bà L, ông M đã đóng hụi thay.

[19] Xét thấy, do ông C, bà Tr tự ý ngưng việc tham gia hụi là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên, bà L, ông M phải đóng thay các phần hụi của bà Tr, ông C nhưng những kỳ hụi bà Tr và ông C đã đóng thì bà L và ông M phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông C, bà Tr cụ thể như sau:

Dây hụi giá thứ nhất: 20.000.000 đồng mở ngày đầu tiên là ngày 25-02-2021 âm lịch, ông C, bà Tr đã đóng được 26 kỳ của 03 phần hụi chưa lãnh với số tiền là 1.129.800.000 đồng (theo Bảng kê do bà L lập – bút lục số 115);

Dây thứ hai: Hụi giá 20.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khui một lần giá chết 5.000.000 đồng, khui ngày đầu tiên là ngày 05-12-2022 âm lịch, gồm 32 phần, bà Tr, ông C tham gia chơi 01 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 06 kỳ hụi tức tới kỳ khui ngày 05-3-2023 âm lịch (do năm 2023 có 02 tháng nhuận) thì ngưng cho đến nay, số tiền đóng cụ thể bà L không nhớ nay đề nghị tính theo giá chết 15.000.000 đồng, thành tiền 90.000.000 đồng là có lợi cho bà Tr và ông C.

Dây thứ ba: Hụi giá 10.000.000 đồng, khui ngày đầu tiên là ngày 20-4-2022, hụi mỗi tháng khui một lần giá chết 2.500.000 đồng, hụi gồm 36 phần, bà Tr, ông C chơi 02 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 12 kỳ hụi, bà L, ông M không nhớ từng kỳ hụi bà Tr, ông C đóng là bao nhiêu nên đề nghị tính theo giá chết là 7.500.000 đồng thành tiền 180.000.000 đồng là có lợi cho bà Tr và ông C.

Dây thứ tư: Hụi giá 10.000.000 đồng, mở lần đầu tiên ngày 20-4-2022, hụi mỗi tháng khui một lần giá chết 2.500.000 đồng, hụi gồm 36 phần, bà Tr, ông C chơi 01 phần. Bà Tr, ông C có đóng được 12 kỳ hụi, bà L, ông M không nhớ từng kỳ hụi bà Tr, ông C đóng là bao nhiêu nên đề nghị tính theo giá chết là 7.500.000 đồng thành tiền là 90.000.000 đồng là có lợi cho bà Tr và ông C.

[20] Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tr và ông C, cần buộc bà L, ông M phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông C, bà Tr số tiền đóng hụi tổng cộng là 1.489.800.000 đồng. Một phần yêu cầu phản tố của bà Tr và ông C không được chấp nhận là 520.200.000 đồng (2.010.000.000 đồng - 1.489.800.000 đồng). Tòa án chấp sơ thẩm chỉ buộc bà L, ông M hoàn trả số tiền 1.470.260.000 đồng là không đúng. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông C và bà Tr, cần sửa bản án sơ thẩm.

[21] Bà Tr, ông C yêu cầu được nhận lại tiền hụi sống đã đóng bằng với số tiền từng kỳ đóng hụi chết và yêu cầu tính lãi là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bà Tr, ông C ngưng đóng hụi là đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên nên cần giải

quyết như trường hợp hụi viên rút hụi theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 19-2019-NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ.

[22] Ông C, bà Tr cho rằng đã trả tiền lãi quá quy định cho bà L, ông M nên yêu cầu nhận lại 183.414.000 đồng tiền lãi đã trả quá quy định (bổ sung kháng cáo thì ông bà cho rằng đã trả lãi dư 130.714.000 đồng) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và ông bà cho rằng trong đó có chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng, 40.000.000 đồng và có ghi âm nhưng không thể hiện rõ nội dung chuyển khoản tiền gì, thanh toán cho khoản nợ nào, vào thời gian nào, không được nguyên đơn thừa nhận việc nhận lãi như bà Tr, ông C trình bày. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà Tr, ông C.

[23] Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm trả "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm..." là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01-2019-NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần sửa lại cho đúng.

[24] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Tr và ông C là chưa phù hợp.

[25] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C là người cao tuổi và có đơn xin miền tiền án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[26] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Tr và ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 10, Điều 21, Điều 22, Diều 24 Nghị định số 19-2019-NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính Phủ;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Toà án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C về số tiền hụi 60.000.000 đồng.

Về quyền khởi kiện: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông M, buộc bà Nguyễn Thị Tr, ông Trần Phi C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L và ông M tổng số tiền là 2.164.560.763 đồng (Trong đó số tiền gốc vay là 1.259.700.000 đồng, lãi tiền vay 190.894.163 đồng; tiền hụi đã đóng thay là 660.000.000 đồng và 53.966.600 đồng tiền lãi do chậm đóng hụi).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L và ông M đối với số tiền lãi của tiền vay là 138.314 đồng (Một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười bốn đồng); lãi của tiền hụi là 315.200 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tr, ông C, buộc bà L, ông M phải liên đới hoàn trả cho bà Tr, ông C số tiền hụi đã đóng là 1.489.800.000 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Tr và ông C đối với số tiền hụi 520.200.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Tr, ông C yêu cầu nhận lại số tiền lãi đã đóng quá quy định là 183.414.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Xuân L, ông Lê Văn M 25.465.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001147 ngày 07-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C 14.838.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008071 ngày 20-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tr và ông Trần Phi C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu